

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15- 3-2023
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Đỗ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh Q mãi chơi, vay nợ nhiều người dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Đến khoảng tháng 6 năm 2021 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị D và anh Q không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị D khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2017. Trường hợp ly hôn chị D đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị D tự thỏa thuận với anh Q, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D đề tự thỏa thuận với anh Q, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q cũng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Q đồng ý với lời khai của chị D về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Chị D đề nghị được ly hôn nhưng anh Q không đồng ý vì những mâu thuẫn đó là nhỏ nhặt, tình cảm vợ chồng vẫn có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Q đồng ý với lời khai của chị D về con chung, trường hợp ly hôn anh Q đồng ý để chị D được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, anh và chị D tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Q khai để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Q. Về con chung, giao con là Nguyễn Thị Kiều A và Nguyễn Phương V cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung do chị D, anh Q đề nghị đề tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị D, anh Q đề nghị đề tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ để anh Q có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Đỗ Thị D có đơn xin ly hôn nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn Q được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, anh Q mãi chơi không quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên chị D và anh Q đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính Q địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Q phù hợp với lời khai của chị D, anh Q. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Q đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D xin ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Chị D và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2017. Trường hợp ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì các cháu đều còn nhỏ và chị đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo Q lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo Q được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay các cháu Kiều A, Phương V đều còn nhỏ, chị D khai làm lao động tự do thu nhập trung bình khoảng 07.000.000 đồng/tháng và hiện đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ đủ sức khỏe để hỗ trợ chị trong việc chăm lo cho các cháu. Anh Q cũng đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị D, giao con chung là Nguyễn Thị Kiều A và Nguyễn Phương V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị D đề nghị đề tự thỏa thuận với anh Q, anh Quyền vắng mặt tại phiên tòa, do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Q cho đến khi chị D có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh Q khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Kiều A, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016 và Nguyễn Phương V, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2017 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Văn Q cho đến khi chị Đỗ Thị D có yêu cầu

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0001851 ngày 19/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang